

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH**

Số: 1244/TB-NĐQN

V/v công bố báo cáo tài chính bán niên
năm 2017 đã được kiểm toán soát xét

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
Trụ sở chính: Tổ 33 khu 5, Hà Khánh, Hạ Long, Quảng Ninh.
Điện thoại: 0203.365.7539 Fax: 0203.365.7540
Người thực hiện CBTT: Ông Lê Duy Hạnh - Tổng Giám đốc.
Địa chỉ: Tổ 33 khu 5, Hà Khánh, Hạ Long, Quảng Ninh.
Loại thông tin công bố:
 24h Yêu Cầu Bất thường Định kỳ

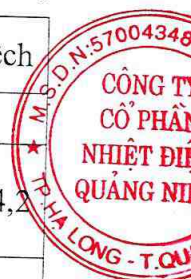
Nội dung thông tin công bố:

I. Báo cáo tài chính Bán niên năm 2017 của Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh đã được đơn vị kiểm toán - Công ty TNHH KPMG soát xét gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

II. Giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017, lợi nhuận sau thuế giảm 242,9 tỷ đồng (giảm hơn 10%) so với cùng kỳ năm 2016, cụ thể:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Nội dung	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
1	Tổng doanh thu (không bao gồm CLTG)	4.416,9	4.382,7	34,2
2	Tổng chi phí (không bao gồm CLTG)	4.228,4	4.075,6	152,8
3	Lợi nhuận (3=1-2)	188,5	307,1	-118,6
4	Lãi CLTG	12,7	70,8	-58,1
5	Lỗ CLTG	66,2		66,2
6	Lợi nhuận sau CLTG (6=3+4-5)	135	377,9	-242,9



Handwritten signature

- Nguyên nhân tăng lợi nhuận:


+ Doanh thu 6 tháng đầu năm 2017 tăng 34,2 tỷ đồng chủ yếu là do sản lượng điện thương phẩm của toàn Nhà máy trong 6 tháng đầu năm 2017 đạt 3.233,5 triệu kWh, tăng 38,4 triệu kWh so với kế hoạch Quý II/2017 là 3.195,1 triệu kWh (kế hoạch sản lượng điện năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua).

- Nguyên nhân giảm lợi nhuận:

+ Giá vốn hàng bán 6 tháng đầu năm 2017 tăng 152,8 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu là do 6 tháng đầu năm 2017 Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch SXKD là 97,8 tỷ đồng.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2017, công ty phân bổ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá của năm 2015 (64,4 tỷ đồng) vào kết quả SXKD trong kỳ.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng! 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website công ty;
- Lưu VT, TCKT.

**Người công bố thông tin
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Duy Hạnh





Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 5700434869

ngày 10 tháng 6 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5700434869 ngày 10 tháng 6 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Nam Thắng	Chủ tịch
	Ông Lê Duy Hạnh	Thành viên
	Ông Lê Văn Ánh	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên
	Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên
	Ông Đặng Huy Vũ	Thành viên
	Ông Phùng Văn Sinh	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng ban
	Ông Huỳnh Văn Khánh	Thành viên
	Ông Phạm Việt Cường	Thành viên
	Ông Ngô Văn Điện	Thành viên
	Bà Vũ Thị Hoàng Yến	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Duy Hạnh	Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Sinh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Tô 33, Khu 5, Phường Hà Khánh Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 

Lê Duy Hiền
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, **08 -08- 2017**



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến các vấn đề sau:

- Như được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) trong báo cáo tài chính giữa niên độ, trong năm 2015 Công ty đã áp dụng Công văn số 3003/BTC/TCDN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016. Theo đó, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 4 năm, từ năm 2016 đến năm 2019. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 – “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii).

2-C
TY
HỮU
G
- T.F



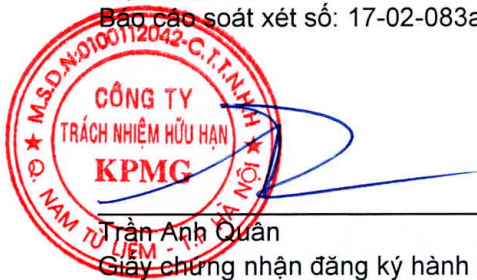
- Như được trình bày tại Thuyết minh 3(j) của báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty trích trước chi phí phát sinh cho việc sửa chữa định kỳ các tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Việc trích trước chi phí sửa chữa định kỳ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó có điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa định kỳ tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(j).

Kết luận soát xét của chúng tôi không bị ngoại trừ về các vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-083a



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140)	100		2.189.095.710.602	1.986.981.682.402
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	327.801.465.058	300.616.744.710
Tiền	111		327.801.465.058	300.616.744.710
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.554.683.669.175	1.398.537.811.472
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	1.525.073.755.256	1.373.891.295.171
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.315.193.423	2.323.288.657
Phải thu ngắn hạn khác	136		23.294.720.496	22.323.227.644
Hàng tồn kho	140	10	306.610.576.369	287.827.126.220
Hàng tồn kho	141		306.610.576.369	287.827.126.220
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		12.486.516.143.430	13.472.321.461.023
Tài sản cố định	220		12.397.406.383.563	13.371.367.597.968
Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.394.534.661.443	13.369.047.767.249
Nguyên giá	222		21.425.281.165.663	21.422.360.929.663
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.030.746.504.220)	(8.053.313.162.414)
Tài sản cố định vô hình	227		2.871.722.120	2.319.830.719
Nguyên giá	228		5.156.784.153	4.075.908.153
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.285.062.033)	(1.756.077.434)
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.987.670.945	2.396.184.463
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.987.670.945	2.396.184.463
Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		76.122.088.922	93.557.678.592
Chi phí trả trước dài hạn	261		330.706.994	54.200.000
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		75.791.381.928	93.503.478.592
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		14.675.611.854.032	15.459.303.143.425

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.602.745.416.368	12.585.941.375.300
Nợ ngắn hạn	310		3.311.206.041.365	3.299.488.972.500
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	1.017.503.073.161	999.568.334.336
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		262.496.002	308.461.927
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	33.057.898.392	31.261.022.247
Phải trả người lao động	314		9.018.036.646	76.767.152.045
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	149.680.527.353	176.933.416.311
Phải trả ngắn hạn khác	319		5.083.590.739	13.106.196.435
Vay ngắn hạn	320	15(a)	1.967.650.839.196	1.965.751.454.778
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	126.581.478.474	33.176.933.019
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.368.101.402	2.616.001.402
Nợ dài hạn	330		8.291.539.375.003	9.286.452.402.800
Vay dài hạn	338	15(b)	8.291.539.375.003	9.286.452.402.800
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.072.866.437.664	2.873.361.768.125
Vốn chủ sở hữu	410	17	3.072.866.437.664	2.873.361.768.125
Vốn cổ phần	411	18	4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		230.890.628.441	230.890.628.441
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(322.250.000.000)	(386.700.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		12.696.830.922	12.696.830.922
Lỗi lũy kế	421		(1.348.471.021.699)	(1.483.525.691.238)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.483.525.691.238)	(1.850.145.518.287)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		135.054.669.539	366.619.827.049
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		14.675.611.854.032	15.459.303.143.425

08 -08- 2017

Người lập:



Phùng Thị Thu Ngân
 Phó Phòng TCKT

Người duyệt:



Trần Vũ Linh
 Trưởng Phòng TCKT



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	20	4.414.593.207.241	4.378.246.340.152
Giá vốn hàng bán	11	21	3.851.480.431.205	3.655.517.914.430
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		563.112.776.036	722.728.425.722
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	13.478.678.633	71.933.571.133
Chi phí tài chính	22	23	413.225.714.136	393.465.101.871
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>346.992.133.249</i>	<i>393.465.101.871</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	26.218.831.969	23.410.282.541
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		137.146.908.564	377.786.612.443
Thu nhập khác	31		1.556.409.188	3.379.190.604
Chi phí khác	32		3.648.648.213	3.193.661.477
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.092.239.025)	185.529.127
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		135.054.669.539	377.972.141.570
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		135.054.669.539	377.972.141.570
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	300	840

08 -08- 2017

Người lập:



Phùng Thị Thu Ngân
Phó Phòng TCKT

Người duyệt:



Trần Vũ Linh
Trưởng Phòng TCKT



Lê Duy Hạnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		135.054.669.539	377.972.141.570
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		977.962.326.405	976.647.799.489
Các khoản dự phòng	03		93.404.545.455	-
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		56.344.470.437	(66.819.912.751)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(802.404.853)	(1.090.420.982)
Chi phí lãi vay	06		346.992.133.249	393.465.101.871
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.608.955.740.232	1.680.174.709.197
Biến động các khoản phải thu	09		(156.145.857.703)	330.048.140.828
Biến động hàng tồn kho	10		(1.071.353.485)	10.066.939.347
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(56.864.814.743)	(224.018.329.874)
Biến động chi phí trả trước	12		(276.506.994)	22.747.075.523
			1.394.597.207.307	1.819.018.535.021
Tiền lãi vay đã trả	14		(367.760.880.464)	(414.752.296.370)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(247.900.000)	(672.032.994)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.026.588.426.843	1.403.594.205.657
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(14.830.383.960)	(21.054.949.818)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		802.404.853	1.090.420.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.027.979.107)	(19.964.528.836)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	40.799.935.204

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay	34		(985.375.727.388)	(1.118.254.354.006)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(985.375.727.388)	(1.077.454.418.802)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		27.184.720.348	306.175.258.019
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		300.616.744.710	69.885.900.738
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	327.801.465.058	376.061.158.757

08 -08- 2017

Người lập:



Phùng Thị Thu Ngân
 Phó Phòng TCKT

Người duyệt:



Trần Vũ Linh
 Trưởng Phòng TCKT



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán buôn chuyên doanh khác;
- Đại lý du lịch; và
- Giáo dục nghề nghiệp.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 919 nhân viên (1/1/2017: 927 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.122.110 triệu VND (1/1/2017: 1.312.507 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể phải trả trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày ở Thuyết minh 3(a)(ii), các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2015

Trong năm 2015, Công ty đã áp dụng Công văn số 3003/BTC/TCDN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”). Theo đó, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 4 năm, từ năm 2016 đến năm 2019. Quy định trên có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo hướng dẫn tại Công văn 3003 và Công văn 2239 và phân bổ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá này theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm (từ năm 2016 – 2019) và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt so với việc áp dụng theo hướng dẫn của VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nếu Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10 thì chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm và tăng tương ứng 64.450 triệu VND (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng 29.242 triệu VND), số lỗ chênh lệch tỷ giá thể hiện ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong mục “Vốn chủ sở hữu” và “Lỗ lũy kế” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm và tăng tương ứng là 322.250 triệu VND (1/1/2017: 386.700 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản cố định xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo ước tính của Ban Tổng Giám đốc theo các quy định hiện hành. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành và nguyên giá tài sản cố định thay đổi thì xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 - 12 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 - 5 năm
▪ các tài sản khác	4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 8 năm.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định

Khoản dự phòng về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ được lập cho một số máy móc và thiết bị cần thiết phải sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính của Công ty về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh hàng năm và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt.

Việc lập dự phòng sửa chữa định kỳ tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 (“VAS 18”) – Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó có điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa định kỳ tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa tài sản cố định khi chi phí phát sinh theo VAS 18 thì dự phòng phải trả ngắn hạn và lỗ lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm 126.581 triệu VND (1/1/2017: 33.177 triệu VND), giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 97.850 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: Không).

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất, truyền tải và phân phối điện và một khu vực địa lý là Việt Nam.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	252.082.639	216.227.053
Tiền gửi ngân hàng	327.549.382.419	300.400.517.657
	327.801.465.058	300.616.744.710

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và các công ty liên quan

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên quan		
Công ty Mua bán Điện	1.524.688.715.196	1.373.647.853.507
Các bên thứ ba		
Khách hàng khác	385.040.060	243.441.664
	1.525.073.755.256	1.373.891.295.171

Khoản phải thu thương mại từ Công ty Mua bán Điện không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 23 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của bên bán.

10. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	305.420.451.858	-	286.402.809.576	-
Công cụ và dụng cụ	1.190.124.511	-	1.424.316.644	-
	306.610.576.369	-	287.827.126.220	-

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Các tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	4.331.980.603.756	15.903.013.492.180	1.181.153.413.949	5.284.002.890	929.416.888	21.422.360.929.663
Tăng trong kỳ	-	1.291.300.000	-	1.628.936.000	-	2.920.236.000
Số dư cuối kỳ	4.331.980.603.756	15.904.304.792.180	1.181.153.413.949	6.912.938.890	929.416.888	21.425.281.165.663
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	979.712.785.669	6.564.300.392.057	506.216.457.949	2.154.109.851	929.416.888	8.053.313.162.414
Khấu hao trong kỳ	112.702.815.306	804.569.960.026	59.621.296.302	539.270.172	-	977.433.341.806
Số dư cuối kỳ	1.092.415.600.975	7.368.870.352.083	565.837.754.251	2.693.380.023	929.416.888	9.030.746.504.220
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	3.352.267.818.087	9.338.713.100.123	674.936.956.000	3.129.893.039	-	13.369.047.767.249
Số dư cuối kỳ	3.239.565.002.781	8.535.434.440.097	615.315.659.698	4.219.558.867	-	12.394.534.661.443

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 4.598 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 3.687 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, một số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định tạm tăng chờ quyết toán đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán có giá trị là 20.819.611 triệu VND (1/1/2017: 20.819.611 triệu VND). Giá trị của các tài sản này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết toán cuối cùng giữa Công ty với các nhà thầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn và các công ty liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ (*)	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	13.402.188.546	-
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	584.240.608	2.805.276.243
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	193.281.558	-
Công ty Truyền tải Điện 1	1.308.000.000	1.775.282.112
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Bắc	897.445.416	130.410.223
Các bên thứ ba		
Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam	378.007.733.830	296.853.997.720
Tổng Công ty Đông Bắc	70.903.872.483	116.634.089.989
Tập đoàn Điện khí Thượng Hải – SEC	532.378.051.950	556.507.733.461
Các nhà cung cấp khác	19.828.258.770	24.861.544.588
	1.017.503.073.161	999.568.334.336

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo các điều khoản của các hợp đồng đã ký kết.

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định về khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(d).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	31.096.022.247	441.607.448.381	(439.680.572.236)	33.022.898.392
Thuế thu nhập cá nhân	165.000.000	1.325.085.151	(1.455.085.151)	35.000.000
Thuế nhà đất	-	237.763.659	(237.763.659)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<u>31.261.022.247</u>	<u>443.173.297.191</u>	<u>(441.376.421.046)</u>	<u>33.057.898.392</u>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay phải trả	147.962.550.121	168.731.297.336
Chi phí khác	1.717.977.232	8.202.118.975
	<u>149.680.527.353</u>	<u>176.933.416.311</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Các khoản vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	1.965.751.454.778	988.448.636.655	(985.375.727.388)	(1.173.524.849)	1.967.650.839.196

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định về khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(d).

(b) Vay dài hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (*) VND
Vay dài hạn	9.286.452.402.800	-	(988.448.636.655)	(6.464.391.142)	8.291.539.375.003

(*) Số có khả năng trả nợ được trình bày ở trên được ước tính căn cứ trên giả định về khả năng của Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn như được nêu trong Thuyết minh 2(d).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

		Loại tiền	Lãi suất năm (%)	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – Quảng Ninh 1	(1)	USD	5,1	2021	3.854.660.954.928	4.340.302.528.064
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – Quảng Ninh 2	(2)	USD	5,3	2023	4.841.106.399.231	5.218.078.469.474
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Hà Nội	(3)	VND	9 - 9,8	2020	389.497.000.000	459.497.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh	(4)	VND	9 - 9,5	2020 - 2026	1.022.550.000.000	1.077.950.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) – Chi nhánh Quảng Ninh	(5)	VND	8,8 - 9,2	2024	151.375.860.040	156.375.860.040
					10.259.190.214.199	11.252.203.857.578
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(1.967.650.839.196)	(1.965.751.454.778)
					8.291.539.375.003	9.286.452.402.800

(1) Khoản vay ngoại tệ nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLA 06010 ngày 1 tháng 4 năm 2006 với tổng giá trị khoản vay là 407.425.534 USD (gồm 384.545.100 USD cộng 85% giá trị phí bảo hiểm tín dụng xuất khẩu của Công ty Bảo hiểm Tín dụng Xuất khẩu Trung Quốc). Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1. Thời gian vay là 166 tháng, thời gian ân hạn 46 tháng. Khoản vay với lãi suất 5,115%/ năm, phí cam kết khoản vay 0,2%/ năm, phí cho vay lại 0,2%/ năm trên dư nợ gốc vay. Nợ gốc, lãi vay, phí cam kết và phí cho vay lại được trả vào các ngày 21 tháng 1 và 21 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số hạng mục công trình, thiết bị của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1.

(2) Khoản vay ngoại tệ nhận nợ lại khoản vay giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc theo Hợp đồng tín dụng tài trợ số BLASH 2007003 ngày 4 tháng 4 năm 2007 với tổng giá trị khoản vay là 355.793.000 USD. Khoản vay được sử dụng để thanh toán phần khối lượng công việc hoàn thành của dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2. Khoản vay với lãi suất 5,2532%/ năm, phí cam kết khoản vay 0,2%/ năm, phí cho vay lại 0,2%/ năm trên dư nợ gốc vay. Thời hạn trả nợ gốc là 120 tháng bắt đầu từ năm 2013, ngày thanh toán nợ gốc, lãi vay, phí cam kết và phí cho vay lại là ngày 21 tháng 4 và 21 tháng 10 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số hạng mục công trình, thiết bị của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (3) Khoản vay theo hai Hợp đồng tín dụng ngày 7 tháng 5 năm 2007 và ngày 5 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội với hạn mức tín dụng lần lượt là 1.000 tỷ VND và 190 tỷ VND được sử dụng để thanh toán các chi phí của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng thêm 3%/ năm. Lãi suất được điều chỉnh vào ngày đầu mỗi quý. Thời hạn trả nợ là 13 năm đối với khoản vay có hạn mức tín dụng 1.000 tỷ VND và 5 năm với khoản vay có hạn mức tín dụng 190 tỷ VND kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, văn phòng, quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện, các tổ máy và các tài sản khác thuộc dự án cùng toàn bộ quyền, quyền lợi, lợi ích, quyền tài sản, quyền hợp đồng phát sinh từ tài sản, toàn bộ số dư có trên tài khoản dự án và các tài khoản của bên vay mở tại ngân hàng, toàn bộ quyền, quyền lợi và lợi ích của bên vay theo hợp đồng bảo hiểm, bao gồm quyền nhận tiền bảo hiểm, lợi ích từ các yêu cầu bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm và tài sản khác có thể nhận được theo hợp đồng bảo hiểm.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/DA/NTQN-NDQN ngày 15 tháng 5 năm 2013, Hợp đồng tín dụng số 02/2013/DA/NTQN-NDQN ngày 3 tháng 5 năm 2013 và Hợp đồng tín dụng số 01/2014/DA/NTQN-NDQN ngày 30 tháng 9 năm 2014 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Quảng Ninh. Hạn mức tín dụng của các hợp đồng lần lượt là 391 tỷ VND, 40 tỷ VND và 901 tỷ VND được sử dụng để thanh toán các chi phí dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1 và Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể, kỳ điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần. Thời hạn vay là 84 – 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số hạng mục công trình, thiết bị của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 1.
- (5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ký ngày 22 tháng 4 năm 2015 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh. Hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 190 tỷ VND được sử dụng để thanh toán các chi phí dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể, kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/lần. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng một phần giá trị các hạng mục công trình, thiết bị của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh 2.

16. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản dự phòng sửa chữa định kỳ các tài sản cố định thuộc Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh (Thuyết minh 3(j)).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	4.500.000.000.000	230.890.628.441	(515.758.518.279)	12.696.830.922	(1.850.145.518.287)	2.377.683.422.797
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	377.972.141.570	377.972.141.570
Phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	29.241.538.680	-	-	29.241.538.680
Số dư tại ngày 30/6/2016	4.500.000.000.000	230.890.628.441	(486.516.979.599)	12.696.830.922	(1.472.173.376.717)	2.784.897.103.047
Số dư tại ngày 1/1/2017	4.500.000.000.000	230.890.628.441	(386.700.000.000)	12.696.830.922	(1.483.525.691.238)	2.873.361.768.125
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	135.054.669.539	135.054.669.539
Phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	64.450.000.000	-	-	64.450.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2017	4.500.000.000.000	230.890.628.441	(322.250.000.000)	12.696.830.922	(1.348.471.021.699)	3.072.866.437.664



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	450.000.000	4.500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	450.000.000	4.500.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	450.000.000	4.500.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các cam kết thuê đất theo các hợp đồng thuê đất không được hủy ngang sau:

Hợp đồng số Nghĩa vụ tài chính quy định trong hợp đồng

54

Ngày 13/4/2015, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 54 với Ủy ban Nhân dân (“UBND”) Tỉnh Quảng Ninh về khu đất với diện tích 2.701.539,4 mét vuông (m²) trong thời gian 40 năm kể từ ngày 15/3/2007. Theo đó, nghĩa vụ tài chính từ ngày 24/9/2013 đến ngày 23/9/2018 được quy định như sau:

- Mức giá thuê đất đối với diện tích 1.614.796,1 m² của Khu bãi xử thải là 2.887,5 VND/m²/năm;
- Mức giá thuê đất đối với diện tích 437.452,2 m² của Khu hệ thống kênh dẫn nước làm mát là 3.273,4 VND/m²/năm;
- Mức giá thuê đất đối với diện tích 602.474,2 m² của Khu xây dựng nhà máy chính là 8.250 VND/m²/năm; và
- Mức giá thuê đất đối với diện tích 46.816,9 m² của Khu tuyến mương cắt nước ngoài hàng rào nhà máy chính là 5.265 VND/m²/năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hợp đồng số Nghĩa vụ tài chính quy định trong hợp đồng

- 230 Ngày 27/11/2015, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 230 với UBND Tỉnh Quảng Ninh với diện tích 1.448,22 m² trong thời hạn 50 năm, hết hạn ngày 21/7/2059, với nghĩa vụ tài chính như sau:
- Đối với diện tích 52,61 m² tại Xã Hòa Bình, Huyện Hoành Bồ: Đơn giá thuê đất là 240 VND/m²/năm, từ ngày 1/7/2014 đến ngày 1/7/2019;
 - Đối với diện tích 905,28 m² làm trạm biến áp và trạm bơm tại Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả: Đơn giá thuê đất là 1.360 VND/m²/năm, từ ngày 1/7/2014 đến ngày 1/7/2019; và
 - Đối với diện tích 490,33 m² xây dựng móng cột tại Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả: Đơn giá thuê đất là 720 VND/m²/năm, từ ngày 1/7/2014 đến ngày 1/7/2019.
- 241 Ngày 24/5/2016, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 241 với UBND Tỉnh Quảng Ninh với diện tích 88.332,6 m² trong thời hạn 31 năm, hết hạn ngày 15/3/2047 với nghĩa vụ tài chính từ ngày 17/2/2016 đến ngày 17/2/2021 như sau:
- Đối với diện tích 34.655,8 m² tại Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long: Đơn giá thuê đất là 760 VND/m²/năm;
 - Đối với diện tích 6.156 m² tại Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả: Đơn giá thuê đất là 1.040 VND/m²/năm;
 - Đối với diện tích 17.662,3 m² tại Xã Dương Huy, Thành phố Cẩm Phả: Đơn giá thuê đất là 120 VND/m²/năm; và
 - Đối với diện tích 29.858,5 m² tại Xã Hòa Bình, Huyện Hoành Bồ: Đơn giá thuê đất là 320 VND/m²/năm.
- 242 Ngày 24/5/2016, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 242 với UBND Tỉnh Quảng Ninh với diện tích 6.960,4 m² trong thời hạn 31 năm, hết hạn ngày 15/3/2047, với nghĩa vụ tài chính từ ngày 2/2/2016 đến ngày 2/2/2021 như sau:
- Đối với diện tích 3.531,3 m² tại Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long: Đơn giá thuê là 760 VND/m²/năm; và
 - Đối với diện tích 3.429,1 m² tại Xã Thống Nhất, Huyện Hoành Bồ, Thành phố Hạ Long: đơn giá thuê đất là 280 VND/m²/năm.
- 374 Ngày 13/7/2016, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 374 với UBND Tỉnh Quảng Ninh với diện tích 2.383,7 m² trong thời hạn 31 năm, thời hạn cho thuê đến hết ngày 15/3/2047. Đơn giá thuê đất là 760 VND/m²/năm, trong 5 năm từ ngày 19/4/2016 đến ngày 19/4/2021.
- 640 Ngày 1/11/2016, Công ty ký hợp đồng thuê đất số 640 với UBND Tỉnh Quảng Ninh với diện tích 58.842,5 m² trong thời hạn 31 năm, đến hết ngày 15 tháng 3 năm 2047. Đơn giá thuê đất là 950 VND/m²/năm từ ngày 9/3/2016 đến ngày 8/3/2021.
- 641 Ngày 1/11/2016, Công ty ký hợp đồng số 641 với UBND Tỉnh Quảng Ninh về việc thuê 164.103,8 m² đất tại Phường Hà Khánh, Thành phố Hạ Long trong thời hạn 31 năm, hết hạn ngày 15/3/2047. Đơn giá thuê đất là 950 VND/m²/năm, từ ngày 2/2/2016 đến ngày 1/2/2021.

Hết thời hạn ổn định giá trong từng hợp đồng nêu trên, giá thuê đất được điều chỉnh lại theo quy định hiện hành.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt chủ trương đầu tư bởi Hội đồng Quản trị và được Tổng cục Năng lượng phê duyệt thiết kế kỹ thuật nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.588.210.334.976	1.737.422.107.529

20. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán điện	4.411.473.395.664	4.374.276.623.018
Doanh thu bán hàng	3.119.811.577	3.969.717.134
	4.414.593.207.241	4.378.246.340.152

21. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Giá vốn bán điện	3.850.429.330.990	3.653.312.788.143
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.051.100.215	2.205.126.287
	3.851.480.431.205	3.655.517.914.430

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	802.404.853	1.090.420.982
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.570.744.217	4.023.237.400
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	8.105.529.563	66.819.912.751
	<hr/>	<hr/>
	13.478.678.633	71.933.571.133
	<hr/>	<hr/>

23. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	346.992.133.249	393.465.101.871
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm các năm trước phân bổ vào chi phí trong kỳ	64.450.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.733.580.887	-
Chi phí khác	50.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	413.225.714.136	393.465.101.871
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	15.343.557.189	14.093.188.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.434.328.642	1.135.942.322
Chi phí khác	9.440.946.138	8.181.151.411
	<hr/>	<hr/>
	26.218.831.969	23.410.282.541
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và kinh doanh	2.650.824.866.340	2.549.193.402.109
Chi phí nhân công	73.120.412.658	67.108.407.108
Chi phí khấu hao	975.615.294.905	976.647.799.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.263.387.646	66.406.742.361
Chi phí khác	137.824.201.410	19.571.845.904
	<hr/>	<hr/>
	3.876.648.162.959	3.678.928.196.971

26. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	135.054.669.539	377.972.141.570
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.505.466.954	37.797.214.157
Lỗ tính thuế sử dụng	(13.505.466.954)	(37.797.214.157)
	<hr/>	<hr/>
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động sản xuất điện (năm 2010) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2011 – 2014) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 – 2023). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	1.347.522.282.530	67.376.114.127	1.482.576.952.069	74.128.847.603

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2018	Đã quyết toán bởi Cục thuế Tỉnh Quảng Ninh	393.301.832.178
2020	Chưa quyết toán	954.220.450.352
		<u>1.347.522.282.530</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản mục đó.

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	135.054.669.539	377.972.141.570
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	450.000.000	450.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>300</u>	<u>840</u>

(*) Công ty hiện chưa có kế hoạch phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm 2017. Do đó, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty trình bày ở trên chưa tính tới việc phân bổ quỹ này. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể giảm đi do việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi.



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Lãi vay	254.488.912.028	298.847.113.388
Mua hàng hóa dịch vụ	17.840.960.847	17.681.841.713
Các công ty liên quan Công ty Mua bán Điện		
Doanh thu bán điện	4.411.473.395.664	4.374.276.623.018
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	10.622.556.516
Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.757.105.078	-
Công ty Truyền tải Điện 1		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.308.000.000	779.892.195
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm Điện Miền Bắc		
Mua hàng hóa và dịch vụ	897.445.416	-
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Lương và thù lao	767.184.000	602.672.727
Thu nhập khác	138.016.265	119.947.289
Ban Tổng Giám đốc		
Lương	594.720.000	473.869.025
Thu nhập khác	83.490.308	75.151.293

08 -08- 2017

Người lập:

Phùng Thị Thu Ngân
Phó Phòng TCKT

Người duyệt:

Trần Vũ Linh
Trưởng Phòng TCKT



Trần Duy Hạnh
Tổng Giám đốc